

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2020

NƠI GỬI:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
- LƯU CÔNG TY



CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN
Erection Electromechanics Testing Joint Stock Company
Số 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn - Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 04.35543839 Fax: 04. 35543790
Website: www.emetc.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Lắp Máy – Thí Nghiệm Cơ Điện
Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
- Tên công ty viết bằng tiếng anh: ERECTION – ELECTROMECHANICS TESTING JOINT STOCK COMPANY.
- Tên công ty viết tắt: EMETC., JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100106458 thay đổi lần thứ 10, cấp ngày 15 tháng 05 năm 2018
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 434-436 Đường Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.35543839
- Số Fax: 024.35543790
- Website: www.emetc.com.vn
- Mã cổ phiếu: LCD

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí Nghiệm Cơ Điện tiền thân là Trung tâm nghiên cứu kỹ thuật Lắp máy (sau gọi tắt là Trung tâm) thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, công ty đã tạo dựng được uy tín lớn trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đặc biệt là trong lĩnh vực chuyên ngành của công ty là dịch vụ kiểm tra không phá hủy và lắp đặt, thí nghiệm điện. Để có được vị trí như ngày hôm nay không phải là điều dễ dàng, đó là kết quả của những nỗ lực không mệt mỏi, của trí tuệ, tinh thần sáng tạo, học hỏi kết hợp với kinh nghiệm và nhiệt huyết của bao thế hệ cán bộ công nhân viên công ty.

Chặng đường hình thành và phát triển của công ty được đánh dấu bằng những mốc thời gian quan trọng:

- Năm 1980: Thành lập trung tâm nghiên cứu kinh tế kỹ thuật Lắp máy

- Năm 1993: Đổi tên thành Xí nghiệp Lắp máy và thí nghiệm cơ điện

- Năm 1996: Đổi tên thành công ty Lắp máy và thí nghiệm cơ điện

- Ngày 08 tháng 01 năm 2004: Bộ Xây Dựng có quyết định số 54 /QĐ-BXD cổ phần hoá Công ty Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam thành Công ty Cổ Phần lắp máy và thí nghiệm cơ điện với số vốn điều lệ là: 5.600.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 2.903.600.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 2.696.400.000 đồng (Chiếm 48,15%). Công ty cổ phần Lắp máy và Thí Nghiệm Cơ điện đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05 tháng 03 năm 2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Ngày 15 tháng 01 năm 2007: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ nhất do thay đổi giám đốc và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Ngày 04 tháng 07 năm 2007: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 2, đổi tên thành Công ty Cổ Phần LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện và tăng vốn điều lệ lên 13.500.000.000 đồng trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 6.999.750.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 6.500.250.000 đồng (Chiếm 48,15%).

- Ngày 13 tháng 03 năm 2008: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 3, Công ty chuyển trụ sở chính từ 124 Minh Khai- Hai Bà Trưng -Hà Nội về số 434-436 đường Nguyễn Trãi- Xã Trung Văn - Huyện Từ Liêm – TP Hà Nội và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Mỗi mốc thời gian đó đều đánh dấu một bước trưởng thành mới của công ty và là sự khởi đầu cho bước phát triển tiếp theo.

- Ngày 08 tháng 10 năm 2010: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 737/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện. Ngày 15 tháng 11 năm 2010 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện (Mã chứng khoán: LCD) chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ngày 31 tháng 08 năm 2011: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 4, Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Kinh doanh bất động sản, tư vấn bất động sản, hoạt động tư vấn quản lý, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

- Ngày 13 tháng 04 năm 2012: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 5. Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Sản xuất các phụ tùng cầu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.....

- Ngày 04 tháng 01 năm 2013: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 6, Công ty bổ sung vốn điều lệ từ 13.500.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng

- Ngày 06 tháng 06 năm 2014: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 7, Công ty thay đổi tên công ty từ Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện sang Công ty CP lắp máy – Thí nghiệm cơ điện.

- Ngày 24 tháng 09 năm 2014 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 8.

- Ngày 29 tháng 04 năm 2016 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 9.
- Ngày 14 tháng 05 năm 2018 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 10

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của công ty:

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của công ty mà pháp luật cho phép. Hiện nay, ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm:

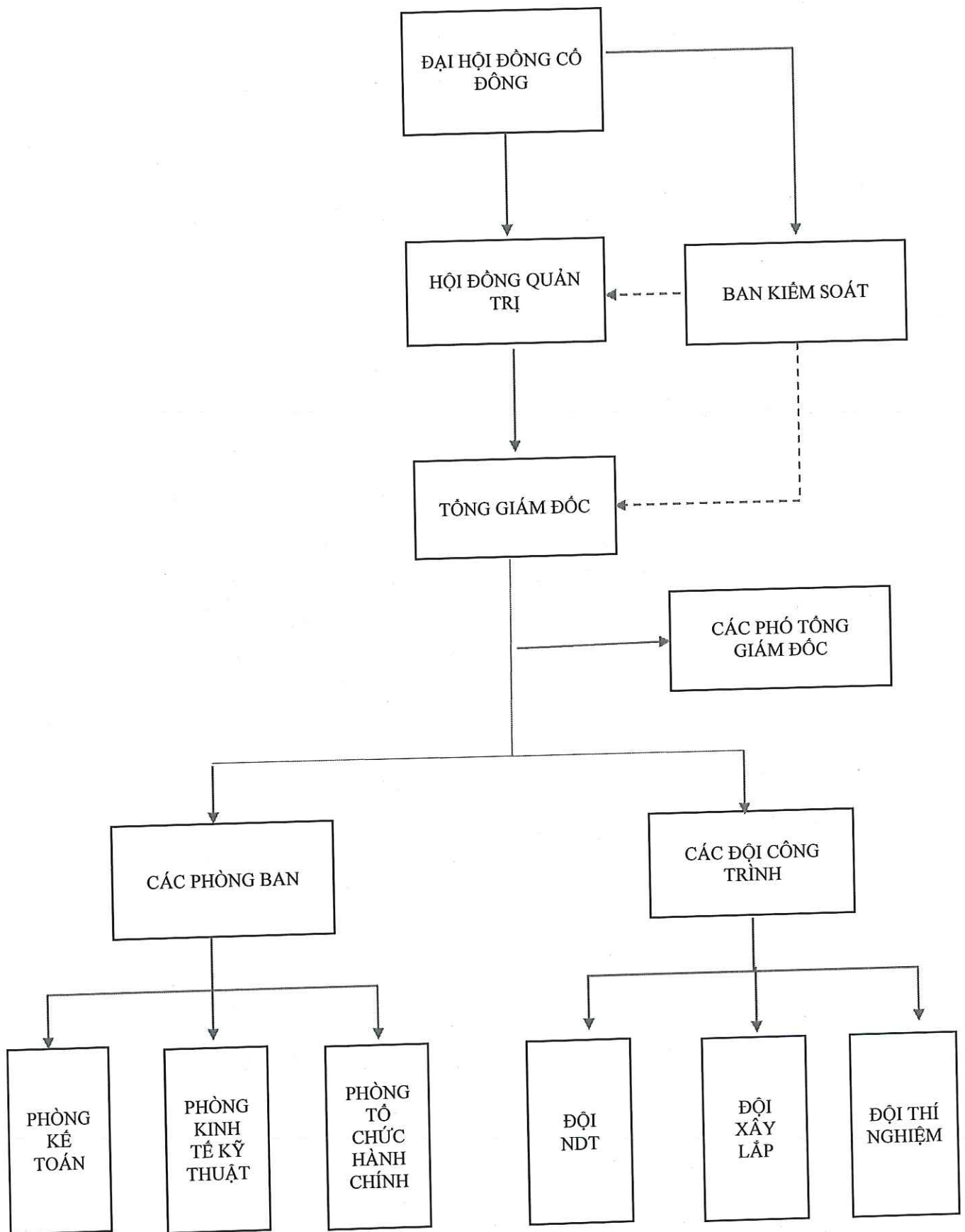
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Sản xuất phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Lắp đặt điện, nước, thiết thông gió, điều hoà không khí;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị điện đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây truyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Kiểm tra không phá huỷ (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử màu và kiểm tra chân không;
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại.
- Kinh doanh bất động sản.
- Tư vấn bất động sản.
- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng

- Lắp đặt hệ thống điện
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn đồ điện gia dụng, điều hòa nhiệt độ
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy khai khoáng, máy xây dựng, máy dệt, may, da giày, máy văn phòng.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng
- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển
- Sản xuất đồng hồ
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Sửa chữa thiết bị khác
- Đại lý bán hàng hóa
- Môi giới mua bán hàng hóa
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng
- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên
- Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

- Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa
- Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng
- Kinh doanh dịch vụ giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa
- Kinh doanh dịch vụ chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
- Cho thuê xe có động cơ
- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển
- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển
- Hoạt động dịch vụ việc làm
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)
- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống
- **Địa bàn kinh doanh:**

Với chức năng, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn kinh doanh của công ty trải khắp các vùng miền trong cả nước, tham gia thi công xây lắp tất cả các công trình công nghiệp, dân dụng, quốc phòng... Trong thời gian tới, công ty dự định mở rộng địa bàn hoạt động ra nước ngoài.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành- đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban và đội trưởng các công trình

Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu của Công ty trong dài hạn theo định hướng trong Đề án Tái cấu trúc công ty là: Nâng cao năng lực, sức cạnh tranh trong lĩnh vực Thí nghiệm kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy (NDT), thí nghiệm hiệu chuẩn thiết bị điện – thiết bị đo lường, hướng đến trở thành công ty hàng đầu Việt Nam về lĩnh vực kiểm tra NDT và thí nghiệm hiệu chuẩn.

Năm 2020 Công ty tập trung vào 2 mục tiêu lớn là:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, tiếp tục phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, xác định sơ đồ tổ chức giai đoạn 2016 – 2020 của toàn Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo 2020, nội dung đào tạo theo các hình thức khác nhau đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho quản lý, sản xuất và kinh doanh, phù hợp với điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Tiếp tục thực hiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.
- Xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Đối với các hoạt động SXKD:

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch SXKD. Tiếp tục nâng cao năng lực và làm tốt công tác thị trường – Marketing cho cả 2 lĩnh vực xây lắp và kiểm tra không phá hủy cả trong nước và ngoài nước.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, và đề ra các kế hoạch đầu tư cho giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

a. Sản xuất kinh doanh:

- Hoàn thành về sắp xếp và chuyển đổi mô hình quản lý, chuyển đổi căn bản về năng lực quản lý của Công ty
- Tăng trưởng cao mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư chiều sâu để tiếp tục phát huy những thế mạnh về các công việc sở trường truyền thống của Công ty trong những năm qua đó là công tác thí nghiệm điện và công tác kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy NDT.
- Tăng cường đầu tư, hợp tác đầu tư, tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề và phạm vi kinh doanh, dịch chuyển cơ cấu kinh doanh, nghiên cứu và mạnh dạn phát triển thêm một số công việc khác: sản xuất các tủ bảng điện, máng cáp, chế tạo và lắp đặt các thiết bị, kết cấu thép...

b. Tài chính:

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Tích cực tìm nguồn vốn với chi phí thấp

c. Công tác đời sống của CBCNV:

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phấn đấu nâng mức thu nhập bình quân hàng tháng đạt và vượt 8.4 triệu đồng/người/tháng.
- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- Chăm lo sức khoẻ cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV.
- Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xoá bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.

4. Các rủi ro:

Trong hoạt động kinh doanh của mình, công ty có nguy cơ gặp các rủi ro như sau:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh toán

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của công ty.

4.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro về tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về tỷ giá. Công ty gần như không bị ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do giá trị tài sản của công ty có gốc ngoại tệ là rất thấp

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về lãi suất. Rủi ro này của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi.

c. Rủi ro giá

Rủi ro về giá chủ yếu mà công ty phải đối mặt là biến động giá của nguyên, nhiên vật liệu đầu vào giữa thời điểm ký hợp đồng và thời điểm thi công

4.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác / chủ đầu tư của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của công ty.

4.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của công ty và luồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

Trong những năm gần đây, với chức năng và nhiệm vụ của mình, công ty đã thực hiện và hoàn thành nhiều công trình lớn, quan trọng như : Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn, nhà máy nhiệt điện Mông Dương, khu công nghiệp Formosa Hà Tĩnh, nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, nhiệt điện Thái Bình, nhiệt điện Sông Hậu, nhiệt điện Long Phú, NM điện mặt trời Sông Giang, ...Đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có khả năng kế thừa và phát triển để đảm nhận quản lý và thực hiện những dự án có quy mô lớn.

Mặc dù năm 2020 nền kinh tế có nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tình hình tài chính được kiểm soát tốt, hoạt động kinh doanh đạt doanh thu vượt kế hoạch. Năng lực và uy tín của Công ty đối với các chủ đầu tư, đối tác, khách hàng đã được khẳng định và nâng lên một tầm cao mới.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020 (Đồng)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	168.774.519.329
2	Tổng doanh thu	133.707.428.953
3	Lợi nhuận trước thuế	3.587.006.786
4	Nộp ngân sách	4.349.042.007
5	Thu nhập bình quân	8.422.554
6	Đầu tư	1.872.310.000
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	3

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020 (Đồng)	Thực hiện năm 2020 (Đồng)	Tỷ lệ % so kế hoạch
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	86.566.000.000	168.774.519.329	195%
2	Tổng doanh thu	60.514.000.000	133.707.428.953	220%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.815.420.000	3.587.006.786	198%
4	Nộp ngân sách	3.296.000.000	4.349.042.007	132%
5	Thu nhập bình quân	8.400.000	8.422.554	100.27%
6	Đầu tư	6.000.000.000	1.872.310.000	31.21%
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	3%		

-Thuận lợi

- Được sự giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi của các đối tác, các cơ quan chính quyền địa phương TP Hà Nội và các địa phương nơi công ty thi công.
- Sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty.
- Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng kinh tế.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành:

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ	Quê quán	Số CP sở hữu
1	Hoàng Văn Lít	09/01/1970	Kỹ sư điện	TGD	Đông Anh – Hà Nội	45.555
2	Nguyễn Thành Đại	21/06/1979	Kỹ sư điện	PTGD	Hà Đông – Hà Nội	5.000
3	Nguyễn Sỹ Thành	21/12/1976	Kỹ sư điện	PTGD	Tuy Hòa - Hải Dương	5.000
4	Lê Văn Định	17/07/1970	Kỹ sư điện	CT.HĐQT	Ứng Hòa – Hà Nội	10.633
5	Vũ Hoàng Tùng	05/07/1985	Cử nhân kinh tế	KTT	Bà Triệu – Hà Nội	286.350

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2020 công ty CP lắp máy – TNCD không có sự thay đổi trong ban điều hành

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên, chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động đến 31/12/2020 là 170 người; Trong đó

- Hợp đồng dài hạn là: 50 người
- Hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng là: 0 người

- Chính sách đối với người lao động:

- Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.
- Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua,
- Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.
- Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.
- Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.

- Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Kế hoạch đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất năm 2020 là 6.000.000.000 đồng. Công ty thực hiện được: 1.872.310.000 đồng khoản đầu tư, đạt 31.21% so với kế hoạch năm.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Hiện tại, Công ty không có công ty con/công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

Trên cơ sở nhận định khách quan, sát thực về cơ hội và thách thức, bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2020, Công ty đã đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể, phù hợp; lãnh đạo và điều hành linh hoạt theo diễn biến của nền kinh tế, đặc biệt nắm bắt, khai thác các cơ hội một cách hiệu quả. Trong những thời điểm khó khăn nhất về vốn của thị trường Việt Nam, Công ty vẫn kiểm soát được tài chính, đảm bảo được vốn cho hoạt động. Thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên, cho các nhà cung cấp vật tư, nhà thầu phụ, các đơn vị thi công của Công ty đúng tiến độ và kế hoạch. Một số chỉ tiêu đánh giá tài chính trong năm như sau:

a. Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019 (Đồng)	Năm 2020 (Đồng)	% tăng, giảm so với năm 2019
Tổng giá trị tài sản	107.194.310.333	154.284.232.736	114%
Doanh thu thuần	66.329.060.691	133.707.428.953	115.6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-571.359.458	3.364.035.844	489%
Lợi nhuận khác	2.403.762.009	222.970.942	131%
Lợi nhuận trước thuế	1.832.402.551	3.587.006.786	80.7%
Lợi nhuận sau thuế	1.389.980.217	2.991.134.084	77%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3%	3%	0%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.10	1.083	

	+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ-Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.44	0.71	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.73 2.75	0.8 4.05	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.16 0.62	2.71 0.87	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0.021 0.05 0.01 -0.009	0.022 0.1 0.02 0.025	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần công ty hiện có là 1.500.000 trong đó có 55 cổ phiếu quỹ

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông cá nhân

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu(%)
-----	-----------	-------------------	-----------------

1	Hoàng Hữu Hải	274.546	18.3
2	Vũ Hoàng Tùng	286.350	19.09
3	Vũ Thị Thúy Giang	255.000	17
4	Hoàng Văn Lít	45.555	3.04
5	Các cá nhân khác	95.645	6.38

- Cổ đông tổ chức/nhà nước

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số Đăng ký kinh doanh	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	124 Minh Khai, Hà Nội	0100106313	542.750	36.18
2	Công CP Chứng khoán An Bình	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	23/GCNTVLK	11	0.0007
3	Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	101 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	02/GCNTVLK	11	0.0007
4	Công ty TNHH CK NHTMCP VN Thịnh Vượng	362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	30/GCNTVLK	77	0.005
5	Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện	434-436 Nguyễn Trãi – Trung Văn – Nam Từ Liêm – HN	0100106458	55	0.004

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2020 công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ

- Chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ: 89.160 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm khoảng 1% tổng năng lượng sử dụng thông qua chương trình tiết kiệm.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Nước sạch Hà Đông

- Sử dụng: 360 khối

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 1%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 170 người

- Mức lương bình quân: 8.408.360 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn phúc lợi của người lao động

- Đảm bảo đủ việc làm cho cán bộ công nhân viên, tăng hiệu quả sản xuất để tăng thu nhập cho người lao động

- Thực hiện quy chế khen thưởng, phúc lợi, thăm hỏi trợ cấp kịp thời cho CBCNV

- Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty tổ chức chương trình đào tạo kiểm tra chất lượng mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy NDT và An toàn bức xạ trong công nghiệp tại Trung tâm đánh giá không phá NDE. Công ty có 01 chuyên gia NDT bậc III quốc tế, đảm bảo cho sự tăng trưởng của công tác NDT trong thời gian tới.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và địa phương, tích cực tham gia các hoạt động phong trào giữ gìn và bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp

- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện và ủng hộ tại địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020 (Đồng)	Thực hiện năm 2020 (Đồng)	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với
-----	----------	--------------------------	---------------------------	---------------------	----------------

					2019
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	86.566.000.000	168.774.519.329	195%	157.45%
2	Tổng doanh thu	60.514.000.000	133.707.428.953	220%	201.6%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.815.000.000	3.587.006.786	190%	195.8%
4	Nộp ngân sách	4.135.000.000	4.349.042.007	105%	107.63%
5	Thu nhập bình quân	8.400.000	8.422.554	100.26%	101.14%
6	Đầu tư	6.000.000.000	1.872.310.000	31.21%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	3%	3%	100%	100%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

a. Về công tác tổ chức và quản lý:

- Năm 2020 nhân sự bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty tiếp tục được bổ sung và kiện toàn, năng lực quản lý tiếp tục nâng cao đáp ứng yêu cầu quản lý tốt các hoạt động của Công ty.
- Nguồn nhân lực được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng, công tác tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nhân lực được thực hiện theo quy trình phù hợp có tính kế hoạch cụ thể và đạt được kết quả tích cực..
- Sửa đổi, xây dựng mới và ban hành một số quy chế, điều lệ, quy định quản lý nội bộ đã góp phần tích cực, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Công ty.
- Công tác đào tạo nhân lực được quan tâm đầu tư kinh phí, lập kế hoạch và thực hiện tốt một số khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ lãnh đạo và CB CNV. Các phòng, ban và đơn vị đã quan tâm thực hiện công tác đào tạo tại chỗ theo định hướng của Công ty.
- Công tác thi đua khen thưởng tiếp tục được chú trọng và thực hiện ngày một tốt hơn.

b. Đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện chính sách đối với CB CNV

- Mặc dù trong điều kiện hết sức khó khăn của nền kinh tế, việc cạnh tranh gay gắt để tìm kiếm việc làm, trong năm 2020 Công ty vẫn đáp ứng đủ việc làm cho hầu hết cán bộ công nhân viên, điều kiện làm việc tiếp tục được quan tâm và cải thiện tích cực.
- Thu nhập và đời sống CB CNV được quan tâm và nâng cao thông qua tiền lương, tiền thưởng, mức thu nhập bình quân toàn Công ty đạt 8.422.554 đồng/người/tháng,
- Các chính sách, chế độ của người lao động được quan tâm và giải quyết kịp thời, quyền lợi được đảm bảo.

c. Các mặt công tác khác

- Các mặt công tác khác như: Tài chính kế toán, Kỹ thuật công nghệ, Quản lý vật tư thiết bị được triển khai đồng bộ có tính kế hoạch cao và đạt hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tăng cường công tác quản lý, giáo dục CBCNV có ý thức chấp hành nghiêm túc chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, điều lệ của Công ty. Nâng cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật cho toàn thể nhân viên trong Công ty.
- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi vốn các công trình đã thi công xong, hoàn thiện hồ sơ pháp lý thanh quyết toán để làm cơ sở thu hồi vốn giảm lãi vay ngân hàng.
- Quản lý thanh quyết toán cho các đội công trình đúng theo quy chế đã ban hành, kịp thời đúng chế độ
- Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch, kiểm toán kịp thời vào thời điểm kết thúc năm tài chính góp phần duy trì tài chính Công ty lành mạnh và ổn định.
- Lãnh đạo công ty đã quan tâm triệt để đến công tác an toàn lao động, chỉ đạo Ban an toàn lao động công ty thực hiện đầy đủ các quy định về công tác an toàn, tổ chức cho các CBCNV đi công tác các công trình được học tập đầy đủ các bước an toàn trước khi làm việc. Xây dựng mạng lưới an toàn viên từ công ty đến các công trình, tổ sản xuất, thường xuyên cử các cán bộ an toàn tham gia các khoá đào tạo về an toàn, đặc biệt là công tác an toàn trong lĩnh vực thí nghiệm điện và kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT. Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra về công tác ATLĐ tại các công trình. Tổ chức thực hành các trường hợp khẩn cấp đặc biệt với công tác NDT tại các công trình mà công ty tham gia xây dựng.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản và nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	16.1% 83.9%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	80.2% 19.8%
3	Khả năng thanh toán - Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả - TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn - Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	1.25 lần 1.083 lần 0.08 lần
4	Tỷ suất lợi nhuận a. Lợi nhuận/doanh thu - LN trước thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th	2.67%

nhập khác	
- LN sau thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th	
nhập khác	2.23%
b. Lợi nhuận/Tổng tài sản	
- LN trước thuế/Tổng tài sản	2.32%
- LN sau thuế/Tổng tài sản	1.94%
c. Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	9.79%

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

- Hệ số thanh toán: Tổng tài sản/tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2020 là 1,25 > 1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, tuy nhiên hệ số thanh toán: tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 2.23%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 9.79%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt 1.94%.
- Như vậy các hệ số của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy là tương đối tốt.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, kiểm tra của hội đồng quản trị, năng lực điều hành của ban giám đốc cũng như đảm bảo sự độc lập tương đối giữa 2 bộ máy này, trong năm 2020 với sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông, công ty tách riêng giữa quản trị công ty và bộ máy điều hành. Chính sự tách biệt này đã giúp cho công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ mọi hoạt động SXKD và đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời. Cũng trong năm 2020, công ty đã rà soát và sửa đổi bổ sung một số quy chế ban hành trong nội bộ công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn như: Quy chế khoán sản phẩm và các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao vật tư; quy chế quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi, quy định về quản lý nhân lực...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhiệm vụ kế hoạch trọng tâm năm 2020:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, không ngừng kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo năm 2020, nội dung và hình thức đào tạo phong phú đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho công tác quản lý và điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.- Quan tâm chính sách đối với người lao động, xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Trong lĩnh vực SXKD

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, khả năng thu xếp vốn của bên A, xây dựng và điều hành tốt kế hoạch hàng kỳ. Tiếp tục nâng cao năng lực công tác thị trường -Marketing cho lĩnh vực sxkd cả trong nước và nước ngoài, thực hiện tốt các hợp đồng, các dự án có hàm lượng kỹ thuật cao.
- Khai thác hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, xây dựng kế hoạch đầu tư bổ sung cho giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.
- Nâng cao khả năng phân tích, dự báo để lập kế hoạch và thực hiện thu mua, vật tư, thiết bị do bên A cung cấp.
- Thúc đẩy việc nâng cao năng lực, quy mô SXKD của các đơn vị, các tồn tại, yếu kém trong SXKD cần phải sớm được khắc phục.

4.2. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021(ĐỒNG)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	150.027.000.000
2	Tổng doanh thu	111.876.000.000
3	Lợi nhuận	3.356.000.000
4	Nộp ngân sách	6.392.000.000
5	Thu nhập bình quân	8.489.000
6	Đầu tư máy móc, thiết bị	10.000.000.000

4.3 Các giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu KH năm 2020:

Trên cơ sở đánh giá phân tích, Ban lãnh đạo Công ty nhận định năm 2020 tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, Công ty nói riêng sẽ còn tiếp diễn những khó khăn. Để hoàn thành được các nhiệm vụ và đạt được các mục tiêu kế hoạch năm 2020 đã đặt ra Công ty cần tiến

hành đồng thời một số giải pháp nhằm chủ động ứng biến, trong đó giải pháp tổng quát cho mục tiêu phát triển như sau:

- Một là: Cập nhật và nắm bắt kịp thời diễn biến thực tế của nền kinh tế và các chính sách của Nhà nước để có dự báo phù hợp, từ đó có sự điều chỉnh kế hoạch hàng kỳ theo kế hoạch tổng quát năm, chủ động tránh các rủi ro có thể xảy ra.
- Hai là: Hoàn thiện mô hình tổ chức trong Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy tại các đơn vị, tối ưu hóa việc sản xuất, kinh doanh theo hướng tăng năng suất chất lượng, tiết kiệm và kiểm soát tốt chi phí nhằm giảm tối đa chi phí, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.
- Ba là: Phát huy yếu tố con người là trung tâm của mọi hoạt động, là nguồn lực quyết định cho sự thành công và phát triển bền vững của Công ty.

a. Nhóm giải pháp cho công tác tổ chức quản lý:

- Xây dựng chính sách khoa học phù hợp đối với người lao động để phát huy năng lực làm việc của CBCNV cũng như thu hút, bổ sung lao động có chất lượng cao.
- Thực hiện tốt hơn công tác tuyển dụng, đào tạo, đào tạo tại chỗ, bổ nhiệm những người có năng lực vào vị trí nhân sự chủ chốt tại Công ty và các đơn vị đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Triển khai tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua đến người lao động có cơ hội phát huy hết những năng lực của mình.

b. Nhóm các giải pháp cho hoạt động SXKD:

- Tập trung thu hồi vốn đối với những công nợ phải thu đã đến hạn.
- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cung cấp vốn cho nhu cầu sản xuất
- Công ty phải chủ động thường xuyên rà soát lại danh mục hợp đồng xây lắp và kiểm tra, thí nghiệm để ưu tiên cho những hợp đồng có thể thu hồi vốn nhanh, chủ động đàm phán với các chủ đầu tư về tiến độ đối với các hợp đồng đang gặp khó khăn về vốn.
- Bổ sung nhân sự và làm tốt công tác nghiên cứu thị trường, phân tích lựa chọn thị trường, lợi thế, mở rộng thị trường, chiến lược sản phẩm cho mỗi lĩnh vực kinh doanh.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị công nghệ đã đầu tư để nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian thi công, tiết kiệm chi phí nhân công, nâng cao hình ảnh của Công ty với các chủ đầu tư tăng sức cạnh tranh.
- Quy định trách nhiệm đối với đơn vị, cá nhân về chất lượng công trình bàn giao cho bên A, đảm bảo quản lý chất lượng tất cả các công trình do Công ty thực hiện.

c. Nhóm các giải pháp về đầu tư và hợp tác đầu tư:

- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cho kế hoạch đầu tư.
- Phân tích, nghiên cứu cơ hội đầu tư, hợp tác đầu tư - Mở rộng đầu tư có chọn lọc trong lĩnh vực đang đầu tư và lĩnh vực mới có đủ điều kiện, phát huy lợi thế và hiệu quả cao.

- Hợp tác đầu tư với đơn vị đối tác trong và ngoài nước có tiềm năng nhằm nâng cao năng lực quản trị, tận dụng phát huy công nghệ, vốn và lợi thế của đối tác.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam, kinh tế khu vực có nhiều biến động phức tạp và khó lường, thị trường việc làm ngày càng thu hẹp, mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch 2020 của Công ty đề ra là rất lớn. Phát huy thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua, với tinh thần Đoàn kết - Năng động và Sáng tạo, tập thể Ban lãnh đạo cùng CB CNV toàn Công ty sẽ nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách quyết tâm hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch năm 2020 đã đề ra.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của nhà nước và địa phương trong việc bảo vệ môi trường. Đặc biệt, các công trình thi công tại nhà máy tiết kiệm năng lượng, giữ gìn và bảo vệ môi trường

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Đảm bảo quyền lợi của người lao động như luật an toàn vệ sinh lao động, thực hiện chế độ thời giờ làm việc và nghỉ ngơi. Công ty hướng tới việc xây dựng môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn chấp hành tốt mọi quy định về luật bảo vệ môi trường.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2020 là năm có nhiều khó khăn và thử thách đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm Cơ điện nói riêng. Với sự chỉ đạo sáng tạo và linh hoạt của ban lãnh đạo Công ty, sự điều hành có tính kế hoạch cao và hiệu quả của hệ thống quản lý, sự đoàn kết thống nhất các mục tiêu và sự tin tưởng, nỗ lực cố gắng của các đơn vị toàn Công ty.

Công tác đảm bảo tài chính, thu xếp vốn đã đáp ứng tốt cho tất cả nhu cầu hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. Tuy công tác thu hồi vốn trong năm đã gặp không ít những khó khăn từ phía chủ đầu tư nhưng các khoản thanh toán cho tất cả các đối tượng công nợ đều được kịp thời. Công tác lập kế hoạch tài chính ngắn và trung hạn, quản lý dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đều được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ đã góp phần nâng cao năng lực công tác quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong tình hình khó khăn đã dự báo và dự đoán được một số tình hình và tập hợp được sức mạnh của phần lớn cán bộ nên công việc của Công ty được giải quyết 1 cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Bước đầu đã giải quyết được một số vấn đề tồn tại. Hoạt động của BGD đúng theo theo sự chỉ đạo, điều lệ công ty. BGD chỉ đạo sản xuất kinh doanh đúng theo nghị quyết hội đồng quản trị đưa ra. BGD đã triển khai đầy đủ nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT, thực hiện đúng theo chính sách

của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh những cố gắng trên còn một số vấn đề cần quan tâm như: Cần kiên quyết hơn trong điều hành với mục tiêu đề ra và phân công, phân cấp kiểm tra công việc đảm bảo cho bộ máy hoạt động hiệu quả hơn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2020 và những năm tiếp theo Công ty tiếp tục phát huy những thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua. Công ty sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi, cơ hội để tiếp tục đầu tư, xây dựng và phát triển, đồng thời Công ty sẵn sàng đối mặt với những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của nền kinh tế mang lại, khắc phục khó khăn nội tại của Công ty, vận dụng thời cơ trong hoạt động SXKD và đầu tư để tiếp tục tăng trưởng, tiếp tục thành công.

Năm 2020 Công ty tập trung vào 3 mục tiêu lớn là:

- Tạo đủ công ăn việc làm cho CB CNV, tăng trưởng ổn định, kiểm soát tốt tình hình tài chính.
- Thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư thận trọng, hiệu quả.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược Công ty, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của hệ thống, tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đào tạo cùng với việc xây dựng văn hóa Công ty để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hiện tại và phát triển giai đoạn tiếp theo.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2020(chốt ngày 20/01/2021)	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Lê Văn Định	Chủ tịch HĐQT	10.633	0.71
2	Hoàng Văn Lít	Thành viên HĐQT	45.555	3.04
3	Vũ Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT	286.350	19.09
4	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	4.844	0.32
5	Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên HĐQT	5.000	0.33

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó:

Lê Văn Định - Chủ tịch HĐQT

Giới tính : Nam

Số CMTND : 001070002084

cur trú và DLQG về dân cư

Ngày cấp: 30/09/2014 Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL

Ngày sinh : 17/07/1970

Địa chỉ thường trú : Số nhà 411 Tổ 28, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị điện, điện tử. Kỹ thuật viên NDT Level- III

Quá trình công tác:

- ❖ Tháng 9/2001 - tháng 09/2007: Cán bộ kỹ thuật tại các dự án của Công ty CP Lilama - TNCĐ
- ❖ Tháng 10/2007 - tháng 09/2008: Biệt phái đến Tổng công ty Lắp máy Việt Nam. Phó phòng QC quản lý NDT. Tại Ban quản lý dự án NM Lọc dầu Dung Quất
- ❖ Tháng 10/2008- tháng 12/2010: Cán bộ phòng KT – KT Công ty CP Lilama - TNCĐ
- ❖ Tháng 01/2011 - tháng 11/2014: Phó phòng KTKT, trưởng phòng thí nghiệm điện, trưởng phòng VR LAB-NDT Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
- ❖ Tháng 12/2014 - tháng 06/2015: Phó phòng KTKT, chỉ huy trưởng DA NĐ Thái Bình 2, trưởng phòng thí nghiệm điện, VR LAB-NDT Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
- ❖ Tháng 7/2015 - tháng 2/2017: Phó Tổng giám đốc, phụ trách NDT, chỉ huy trưởng DA NĐ Thái Bình 2, trưởng phòng thí nghiệm điện, trưởng phòng VR LAB - NDT Công ty CP Lắp máy – TNCĐ
- ❖ Tháng 3/2017 -tháng 4/2018: Phó Tổng giám đốc, chỉ huy trưởng DA NĐ Thái Bình 2, trưởng phòng thí nghiệm điện, trưởng phòng VR LAB - NDT Công ty CP Lắp máy – TNCĐ
- ❖ Tháng 11/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lắp máy - TNCĐ

Hoàng Văn Lít - Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Giới tính : Nam

Số Căn cước công dân: 001070001363 ngày cấp: 01/07/2014 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Ngày tháng năm sinh : 09/01/1970

Nơi sinh : Hà Nội

Quê quán : Cổ Loa – Đông Anh – Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Xóm Nhôi - Cổ Loa - Đông Anh – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 04.35543794

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- ❖ Tháng 6/2005 -tháng 7/2007: Phó phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP Lắp Máy& Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 8/2007-> tháng 03/2012: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA- Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 04/2012 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm Cơ Điện

Vũ Hoàng Tùng - Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT

Giới tính Nam
 Số Căn cước công dân: 001085017803 ngày cấp: 24/02/2017 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Ngày tháng năm sinh 05/07/1985
 Nơi sinh Hà Nội
 Quê quán Hải Dương
 Quốc tịch Việt Nam
 Dân tộc Kinh
 Địa chỉ thường trú Số 326 Bà Triệu – Hà Nội.
 Số điện thoại liên lạc: 04.35543796
 Trình độ văn hoá 12/12
 Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán tài chính
 Quá trình công tác

- ❖ Tháng 02/2009–tháng 12/2009: Phòng Tài chính – Ngân hàng Standard Chartered, chi nhánh Hà Nội
- ❖ Tháng 01/2010–tháng 03/2014: Trưởng bộ phận Nghiệp vụ Quỹ - Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán - Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered(Việt Nam)
- ❖ Tháng 03/2014–tháng 05/2015:Trưởng bộ phận Dịch vụ Quỹ - Phòng Dịch vụ Chứng khoán và Quỹ - Ngân hàng Citibank N.A., chi nhánh Hà Nội
- ❖ Tháng 05/2015–tháng 08/2015:Phòng Tài chính kế toán -Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
- ❖ Tháng 08/2015–tháng 12/2015: Kế toán trưởng- Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Lắp Máy - Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 01/2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng- Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Lắp Máy - Thí Nghiệm Cơ Điện

Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT

Giới tính Nam
 Số CMND: 011614921 ngày cấp: 14/03/2012 nơi cấp: CA Hà Nội
 Ngày tháng năm sinh 16/11/1970

Nơi sinh Hà Nội
Quê quán Hoàn Kiếm - Hà Nội
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú Số 6 Giang Ngự – Hà Nội.
Số điện thoại liên lạc: 0913.383.388
Trình độ văn hoá 12/12
Trình độ chuyên môn Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

- Từ tháng 10/1994 – tháng 5/1996 : Kỹ sư - Kỹ Thuật Xí nghiệp lắp máy 69-3 (NM XM Hoàng Thạch)
- Từ tháng 6/1996 – tháng 2/2008: Kỹ sư cơ khí Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện
- Tháng 12/2008: Phó trưởng phòng thiết bị vật tư Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện
- Tháng 4/2009: Trưởng phòng thiết bị vật tư Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện.
- Tháng/2009 đến nay: Trưởng phòng tổ chức hành chính – TV HĐQT Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện

Nguyễn Sỹ Thành - Phó Tổng giám đốc

Giới tính Nam

Số CMND: 141785237 ngày cấp: nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 21/12/1976
Nơi sinh Hải Dương
Quê quán Hải Dương
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú Hải Dương
Số điện thoại liên lạc:
Trình độ văn hoá Đại học
Trình độ chuyên môn Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- ❖ Tháng 10/2000 – tháng 12/2001: Phụ trách kỹ thuật lắp đặt điện tại Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại II
- ❖ Tháng 12/2001-08/2002: Phụ trách kỹ thuật Thí nghiệm và chạy thử Nhà máy Ván ép MDF Gia Lai
- ❖ Tháng 08/2002 – 4/2003: Phụ trách kỹ thuật Thí nghiệm và chạy thử Nhà máy Xi măng Bim Sơn – Thanh Hóa

- ❖ Tháng 04/2003-10/2003: Đội phó thi công lắp đặt và thí nghiệm Dự án nhà máy điện - Đạm Phú Mỹ
- ❖ Tháng 10/2003-10/2004: Đội phó thi công lắp đặt thiết bị đo lường Dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương - Lạng Sơn
- ❖ Tháng 10/2004 – 08/2005: Đội phó thi công trạm 110Kv Lục Ngạn - Bắc Giang
- ❖ Tháng 8/2005 – 12/2007: Đội phó thi công lắp đặt Nhiệt điện Uông Bí Mở Rộng - Quảng Ninh
- ❖ Tháng 12/2007 – 05/2008: Đội trưởng thi công lắp đặt và tham gia chạy thử Dự án MP3 khí điện đạm Cà Mau
- ❖ Tháng 5/2008 – 11/2008: Đội phó lắp đặt hệ thống chống sét nhà máy xi măng Thăng Long - Quảng Ninh
- ❖ Tháng 11/2008 – 12/2009: Đội phó lắp đặt hệ thống đo lường điều khiển Nhà máy lọc dầu Dung Quất
- ❖ Tháng 7/2011 – 9/2012: Đội trưởng thi công thay thế thiết bị đo lường Nhà máy nhiệt điện Uông Bí
- ❖ Tháng 9/2012 – 11/2013: Đội trưởng thi công và thí nghiệm Nhà máy điện Nghi Sơn và Vũng áng
- ❖ Tháng 11/2013 - đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP Lắp máy - TNCD

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HDQT không thành lập các tiêu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2020 thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ sự chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám Đốc tuân thủ theo đúng điều lệ của Công ty và pháp luật của Nhà nước, đơn đốc thực hiện việc chỉ đạo SXKD đúng với nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của HDQT

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Văn Định	CT HDQT		9	100%	
2	Ông Hoàng Văn Lít	TV HDQT		9	100%	
3	Ông Vũ Hoàng Tùng	TV HDQT		9	100%	
4	Ông Vũ Anh Tuấn	TV HDQT		9	100%	
5	Ông Nguyễn Sỹ Thành	TV HDQT		9	100%	

- Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	48/2020/NQ-HĐQT	02/03/2020	- Chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 - Bổ nhiệm lại có thời hạn ông Vũ Anh Tuấn kỹ sư chế tạo máy giữ chức vụ Trưởng phòng TCHC
2	82/2020/NQ-HĐQT	09/04/2020	- Phê duyệt dự án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh - Thuộc dự án đầu tư số 01-2020
3	86/2020/NQ-HĐQT	16/04/2020	- Kết quả thực hiện SXKD quý 1 năm 2020 - Kế hoạch SXKD quý 2 năm 2020 - Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
4	160/2020/NQ-HĐQT	05/06/2020	- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp bộ gia nhiệt xử lý nhiệt - thuộc dự án đầu tư số 01-2020
5	179/2020/NQ-HĐQT	10/07/2020	- Kết quả thực hiện SXKD quý 2 năm 2020 - Kế hoạch SXKD quý 3 năm 2020 - Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp bộ lập trình và bộ ghi nhiệt - thuộc gói số 4 Dự án đầu tư số 01-2020
6	226/2020/NQ-HĐQT	03/08/2020	- Bổ nhiệm lại có thời hạn ông Vũ Hoàng Tùng giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 11/08/202 - Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp máy hàn cấp nhiệt - thuộc gói thầu số 5 Dự án đầu tư số 01-2020
7	277/2020/NQ-HĐQT	08/10/2020	- Kết quả thực hiện SXKD quý 3 năm 2020 - Kế hoạch SXKD quý 4 năm 2020
8	313/2020/NQ-HĐQT	22/12/2020	- Kết quả thực hiện SXKD quý 4 năm 2020 - Kế hoạch SXKD năm 2021

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đề xuất các ý kiến và biểu quyết các vấn đề tại các cuộc họp HĐQT
- Thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT

2. Ban kiểm soát

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2020	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Lê Tuấn Anh	Trưởng BKS	2.000	0.13
2	Lê Thúy Hồng	Thành viên BKS	0	0
3	Trần Thị Điệp	Thành viên BKS	0	0

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của BKS được quy định tại điều lệ công ty. Định kỳ BKS đã giám sát quá trình hoạt động của công ty để đưa ra những đánh giá kịp thời về công tác điều hành và quản lý của ban quản trị và ban tổng giám đốc

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó : cả 03 thành viên hoạt động độc lập không tham gia điều hành

Lê Tuấn Anh – Trưởng ban kiểm soát

Giới tính Nam

Số CMND: 024083000388 ngày cấp: 19/09/2016 nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Ngày tháng năm sinh 13/02/1983

Nơi sinh Bắc Giang

Quê quán Bắc Giang

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú 16/188 Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0915162099

Trình độ văn hoá 12/12

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác

- ❖ Từ 2005 -> 2010 : Chuyên viên phòng tài chính kế toán Công ty
- ❖ Từ 2011-> tháng 4/2016: Phó phòng tài chính kế toán Công ty
- ❖ Từ tháng 05/2016 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty

Lê Thúy Hồng – Thành viên ban kiểm soát

Giới tính Nữ

Số CMND: 011852291 ngày cấp: 20/08/2011 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 10/11/1978
Nơi sinh Hà Nội
Quê quán Hà Nội
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú 87 Tổ 9 Thanh Lương – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc: 0913383160
Trình độ văn hoá 12/12
Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác

- ❖ Từ 2001 đến nay: Chuyên viên phòng kế toán – Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam (LILAMA)
- ❖ Từ Tháng 5/2016 đến nay: TV Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện

Trần Thị Diệp– Thành viên ban kiểm soát

Giới tính Nữ
Số CMND: 036183000250 ngày cấp: 07/10/2014 nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày tháng năm sinh 02/07/1983
Nơi sinh Nghĩa Hưng , TP. Nam Định
Quê quán Nghĩa Hưng , TP. Nam Định
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú Tổ 57, Trương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc: 0947853325
Trình độ văn hoá 12/12
Trình độ chuyên môn Cử nhân kế toán
Quá trình công tác

- ❖ Từ tháng 10/2014 -> tháng 4/2016: Nhân viên phòng Tổ chức hành chính
- ❖ Từ tháng 05/2016 đến nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 (ngày 28/04/2020) đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các mức như sau:

- Tiền lương một tháng của Chủ tịch HĐQT 24.700.000 đồng, thành viên HĐQT 5.500.000 đồng, Trưởng ban kiểm soát 14.500.000 đồng, thành viên Ban kiểm soát 3.000.000 đồng

STT	Họ và tên	Thành phần	Thù lao/năm 2020	Tiền lương/năm 2020	Ghi chú
1	Lê Văn Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị		286.400.000	
2	Hoàng Văn Lít	Thành viên HĐQT	60.000.000	216.000.000	
3	Nguyễn Thành Đại	Phó TGD		204.000.000	
4	Vũ Hoàng Tùng	Kế toán trưởng	60.000.000	204.000.000	
5	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	60.000.000	168.000.000	
6	Vũ Thị Thu Hoài	Thư ký HĐQT	28.000.000	69.102.364	
7	Lê Tuấn Anh	Trưởng Ban kiểm soát		164.000.000	
8	Lê Thúy Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	34.000.000		
9	Trần Thị Điệp	Thành viên Ban kiểm soát	34.000.000	63.705.955	
	Tổng cộng		336.000.000	1.579.208.319	

3.2 Giao dịch cổ phần của giao dịch nội bộ và những người có liên quan: Trong năm 2020 không có giao dịch cổ phần nào

VI- Báo cáo Tài Chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY -
THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 – 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ – BXD ngày 08/01/2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05/03/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 434 - 436 đường Nguyễn Trãi - Phường Trung Văn - Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 1.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Tại thời điểm 31/12/2020 cơ cấu vốn góp như sau:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	542.750	5.427.500.000	36,18%
Vốn góp của cổ đông khác	957.250	9.572.500.000	63,82%
	1.500.000	15.000.000.000	100,00%

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KÈ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính:

Ông Lê Văn Định	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Lít	Thành viên
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên
Ông Vũ Hoàng Tùng	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Hoàng Văn Lít	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Đại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Tùng	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Lê Tuấn Anh	Trưởng ban
Bà Lê Thúy Hồng	Thành viên
Bà Trần Thị Điệp	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



Lê Văn Định

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Lít



Số: 248/BCKT/TC/NV12

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện, được lập ngày 16/03/2021, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÙI QUANG HỢP

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 1796-2019-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

ĐỖ THỊ NGỌC

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 3409-2020-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129.437.920.005	82.422.149.906
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.734.657.397	3.050.042.038
1. Tiền	111	V.01	134.657.397	3.050.042.038
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.600.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.558.792.550	29.457.384.229
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	43.867.685.221	27.952.192.317
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	28.651.212.172	951.695.344
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	5.553.421.536	4.159.231.314
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.513.526.379)	(3.605.734.746)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	44.015.569.399	49.281.677.247
1. Hàng tồn kho	141		44.019.085.399	49.285.193.247
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.516.000)	(3.516.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.128.900.659	633.046.392
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.128.900.659	633.046.392
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.846.312.731	24.772.160.427
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.995.333.072	24.374.107.223
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	7.727.706.695	8.106.480.846
- Nguyên giá	222		44.140.558.225	43.491.965.829
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(36.412.851.530)	(35.385.484.983)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	16.267.626.377	16.267.626.377
- Nguyên giá	228		16.267.626.377	16.267.626.377
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	500.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		350.979.659	398.053.204
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	350.979.659	398.053.204
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		154.284.232.736	107.194.310.333

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		123.734.510.771	78.607.624.742
I. Nợ ngắn hạn	310		119.560.659.028	74.594.464.824
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	17.023.113.014	5.534.046.897
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.055.059.923	5.190.735.470
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.509.404.727	98.875.321
4. Phải trả người lao động	314		1.834.725.845	1.203.673.654
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	10.303.522.000	1.703.827.491
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		540.000.000	1.620.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	31.317.990.189	17.539.694.861
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	50.976.843.330	41.643.831.505
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322			59.779.625
II. Nợ dài hạn	330		4.173.851.743	4.013.159.918
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.11	1.386.572.823	1.386.572.823
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	311.277.052	311.277.052
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	1.449.522.500	1.151.567.500
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.026.479.368	1.163.742.543
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.549.721.965	28.586.685.591
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	30.549.721.965	28.586.685.591
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		740.110.441	740.110.441
3. Cổ phiếu ngân quỹ	415		(544.500)	(544.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.987.342.475	7.639.847.421
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		6.822.813.549	5.207.272.229
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.831.679.465	3.817.292.012
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		2.991.134.084	1.389.980.217
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		154.284.232.736	107.194.310.333

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Lê Thị Chi

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	133.707.428.953	66.329.060.691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		133.707.428.953	66.329.060.691
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	119.165.796.118	57.248.346.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.541.632.835	9.080.714.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	100.171.774	4.407.567
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.545.242.960	3.496.384.434
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.543.218.052	3.496.258.873
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7.732.525.805	6.160.096.699
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.364.035.844	(571.359.458)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	311.737.090	2.502.091.929
12. Chi phí khác	32	VI.7	88.766.148	98.329.920
13. Lợi nhuận khác	40		222.970.942	2.403.762.009
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.587.006.786	1.832.402.551
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	595.872.702	442.422.334
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.991.134.084	1.389.980.217
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.795	834
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.795	834

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Lê Thị Chi

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	126.508.249.833	71.044.690.454
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(104.740.710.310)	(49.406.557.638)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.163.873.771)	(20.558.329.084)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.607.812.543)	(3.487.292.768)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(183.120.159)	(733.326.563)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.930.828.928	2.583.545.907
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.725.257.838)	(8.478.939.733)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.304.140	(9.036.209.425)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.469.421.364)	(355.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.388.827	4.169.435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.965.032.537)	(350.830.565)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	72.927.134.431	55.235.930.903
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(63.296.167.606)	(47.574.249.535)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(909.913.756)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.630.966.825	6.751.767.612
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.684.238.428	(2.635.272.378)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.050.042.038	5.685.076.284
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	376.931	238.132
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.734.657.397	3.050.042.038

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

Lê Thị Chi

Vũ Hoàng Tùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ – BXD ngày 08/01/2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05/03/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 434 - 436 đường Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 170 người.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá nhà, đất);
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại;
- Kiểm tra không phá hủy (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử màu và kiểm tra chân không;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây chuyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
- Cung cấp các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy khai khoáng, máy xây dựng, máy dệt, máy da giày, máy văn phòng;
- Lắp đặt điện, nước, thiết bị thông gió, điều hòa không khí;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Sản xuất phụ tùng cầu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát tấm lợp, đá ốp lát đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, điều hòa nhiệt độ;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự trên cơ sở ước tính khả năng tổn thất có thể xảy ra ở mức thận trọng nhất.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung khác theo quy định của nhà nước. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không trích khấu hao.

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH, TSCĐVH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phản ánh cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông/của Hội đồng quản trị.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2020	01/01/2020
1 . Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	4.816.696	589.258.909
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	129.840.701	2.460.783.129
- Các khoản tương đương tiền	9.600.000.000	-
Cộng	9.734.657.397	3.050.042.038

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tam Trinh, lãi suất 3%/ năm.

	31/12/2020	01/01/2020
2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn		
<i>a) Phải thu khách hàng</i>	<i>43.867.685.221</i>	<i>27.952.192.317</i>
- Công ty CP Lilama 69 -1	1.715.407.357	2.719.169.157
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	20.233.689.554	18.603.722.397
- Công ty TNHH Khanh Hoa Solar Energy	9.555.000.000	-
- Công ty TNHH QTS Khánh Hòa	4.385.501.000	-
- Phải thu khách hàng khác	7.978.087.310	6.629.300.763
<i>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>23.874.922.502</i>	<i>23.408.258.670</i>
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	20.233.689.554	18.603.722.397
- Công ty CP Lilama 45-3	360.932.000	360.932.000
- Công ty CP Lilama 45-4	73.336.300	73.336.300
- Công ty CP Lilama 5	830.472.447	830.472.447
- Công ty CP Lilama 69-1	1.715.407.357	2.719.169.157
- Công ty CP Lilama 69-2	177.629.192	177.629.192
- Công ty CP Lilama 7	80.053.884	239.595.409
- Công ty CP Lilama 69-3	403.401.768	403.401.768
- Công ty CP Lilama 18.1	43.886.700	-

	31/12/2020	01/01/2020
3 . Trả trước người bán ngắn hạn		
- Công ty CP Việt Phát ALUMIN	1.395.006.117	-
- Công ty TNHH TM & DV Lam Khánh	-	600.000.000
- Công ty CP Nguồn lực Nam Việt	6.344.648.781	-
- Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Việt Hoàng	13.920.990.000	-
- Công ty CP Tài nguyên Cấp quốc tế	4.114.708.736	-
- Trả trước người bán ngắn hạn khác	2.875.858.538	351.695.344
Cộng	28.651.212.172	951.695.344

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4 . Phải thu khác				
<i>Ngắn hạn</i>	<i>5.553.421.536</i>	<i>-</i>	<i>4.159.231.314</i>	<i>-</i>
- Phải thu khác	765.553.335	-	859.247.465	-
+ <i>Khác</i>	<i>765.553.335</i>	<i>-</i>	<i>859.247.465</i>	<i>-</i>
- Tạm ứng	3.714.693.016	-	3.287.595.672	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.061.120.585	-	-	-
- Dự nợ phải trả khác	12.054.600	-	12.388.177	-
Cộng	5.553.421.536	-	4.159.231.314	-

5 . Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.	3.567.011.275	53.484.896	3.698.737.514	93.002.768
+ Công ty CP Đá trắng Vinaconex	1.152.900.680	-	1.152.900.680	-
+ Công ty CP Lilama 5	830.472.447	-	830.472.447	-
+ Phải thu khách hàng khác	1.583.638.148	53.484.896	1.715.364.387	93.002.768
- Các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.	-	-	-	-
Cộng	3.567.011.275	53.484.896	3.698.737.514	93.002.768

6 . Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	97.611.820	(3.516.000)	116.871.796	(3.516.000)
- Công cụ, dụng cụ	58.377.272	-	57.174.840	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.863.096.307	-	49.111.146.611	-
Cộng	44.019.085.399	(3.516.000)	49.285.193.247	(3.516.000)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ (31/12/2020): 3.516.000 đồng.

7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	4.552.716.170	34.871.939.017	3.040.894.407	160.417.664	865.998.571	43.491.965.829
Số tăng trong kỳ	-	2.327.089.364	68.000.000	-	184.500.000	2.579.589.364
- Mua trong năm	-	2.327.089.364	68.000.000	-	184.500.000	2.579.589.364
Số giảm trong kỳ	-	1.757.926.968	-	-	173.070.000	1.930.996.968
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.757.926.968	-	-	173.070.000	1.930.996.968
Số dư cuối kỳ	4.552.716.170	35.441.101.413	3.108.894.407	160.417.664	877.428.571	44.140.558.225
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2.667.204.046	29.370.852.018	2.376.494.396	160.417.664	810.516.859	35.385.484.983
Số tăng trong kỳ	239.576.556	2.296.920.595	355.607.019	-	66.259.345	2.958.363.515
- Khấu hao trong kỳ	239.576.556	2.296.920.595	355.607.019	-	66.259.345	2.958.363.515
Số giảm trong kỳ	-	1.757.926.968	-	-	173.070.000	1.930.996.968
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.757.926.968	-	-	173.070.000	1.930.996.968
Số dư cuối kỳ	2.906.780.602	29.909.845.645	2.732.101.415	160.417.664	703.706.204	36.412.851.530
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	1.885.512.124	5.501.086.999	664.400.011	-	55.481.712	8.106.480.846
Tại ngày cuối kỳ	1.645.935.568	5.531.255.768	376.792.992	-	173.722.367	7.727.706.695

Trong đó:

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.957.274.288 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 24.653.376.702 đồng

8 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại số 434 - 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo hai hợp đồng mua bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 31/12/2007 với tổng diện tích là 341,2^{m2}

9 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**9.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Trái phiếu	500.000.000	500.000.000	-	-
Cộng	500.000.000	500.000.000	-	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản đầu tư trái phiếu của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam có thời hạn 07 năm, lãi suất thả nổi, ngày đáo hạn 24/12/2027.

10 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	350.979.659	398.053.204
Cộng	350.979.659	398.053.204

11 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	17.023.113.014	17.023.113.014	5.534.046.897	5.534.046.897
- Công ty CP TM vật liệu Điện nam Hà Nội	2.400.224.642	2.400.224.642	-	-
- Risen Energy co.LTD	10.461.149.845	10.461.149.845	-	-
- Công ty TNHH XD và TM Đăng Hoàng	-	-	4.488.000.000	4.488.000.000
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	4.161.738.527	4.161.738.527	1.046.046.897	1.046.046.897
b) Phải trả người bán dài hạn	1.386.572.823	1.386.572.823	1.386.572.823	1.386.572.823
- Công ty CP Lilama 3	1.240.824.354	1.240.824.354	1.240.824.354	1.240.824.354
- Công ty TNHH SX và TM Anh Duy	145.748.469	145.748.469	145.748.469	145.748.469
Cộng	18.409.685.837	18.409.685.837	6.920.619.720	6.920.619.720
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	39.600.000	39.600.000	-	-
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	39.600.000	39.600.000	-	-

12 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.055.059.923	5.190.735.470
- Công ty CP Lilama 18	481.100.100	481.100.100
- Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	990.599.571	-
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	-	4.389.232.000
- Công ty CP Lilama 10	277.998.336	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	305.361.916	320.403.370
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	759.098.436	481.100.100
- Công ty CP Lilama 18	481.100.100	481.100.100
- Công ty CP Lilama 10	277.998.336	-

13 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2020
a) Phải nộp nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng	39.696.677	8.256.295.305	3.860.499.743	4.435.492.239
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	48.120.159	1.039.110.890	183.120.159	904.110.890
- Thuế thu nhập cá nhân	11.058.485	436.762.594	278.019.481	169.801.598
- Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	24.402.624	24.402.624	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	98.875.321	9.759.571.413	4.349.042.007	5.509.404.727

(*) Thuế TNDN phải nộp trong kỳ bao gồm: thuế TNDN phải nộp từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ số tiền 595.872.702 đồng, số thuế TNDN phải nộp bổ sung số tiền 916.000 đồng do loại trừ chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN của năm 2019 và thuế TNDN phải nộp bổ sung theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 số tiền 442.322.188 đồng.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
- Trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép của bộ phận trực tiếp	473.657.000	338.433.000
- Trích trước chi phí thuê máy	-	853.200.000
- Trích trước tiền đồng phục	429.900.000	447.600.000
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	-	64.594.491
- Trích trước chi phí các công trình	9.399.965.000	-
Cộng	10.303.522.000	1.703.827.491

15 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2020	01/01/2020
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	718.421.432	177.394.847
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.599.568.757	17.362.300.014
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>958.972.362</i>	<i>508.988.862</i>
+ <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>29.640.596.395</i>	<i>16.853.311.152</i>
Cộng	31.317.990.189	17.539.694.861

16 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/12/2020				01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	49.786.343.330	49.786.343.330	71.735.664.431	62.336.367.606	40.387.046.505	40.387.046.505
- Ngân hàng NN và PTNT - CN Tràng An ⁽¹⁾	49.786.343.330	49.786.343.330	71.735.664.431	62.336.367.606	40.387.046.505	40.387.046.505
b) Vay dài hạn đến hạn trả	1.190.500.000	1.190.500.000	893.515.000	959.800.000	1.256.785.000	1.256.785.000
- Ngân hàng NN và PTNT - CN Tràng An	1.190.500.000	1.190.500.000	893.515.000	959.800.000	1.256.785.000	1.256.785.000
Cộng	50.976.843.330	50.976.843.330	72.629.179.431	63.296.167.606	41.643.831.505	41.643.831.505

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay ngắn hạn

⁽¹⁾ Vay ngắn hạn ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Tràng An theo hợp đồng sau:

- HĐTD số 1305-LAV-202000191 ngày 09/04/2020, với hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất thả nổi, mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Toyota biển số 30A-314.49, đất và các tài sản trên đất tại địa chỉ số 434-436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

17 . Phải trả dài hạn khác	31/12/2020	01/01/2020
- Phải trả đội thi công - Phạm Đình Hòa	206.514.435	206.514.435
- Phải trả dài hạn khác	104.762.617	104.762.617
Cộng	311.277.052	311.277.052

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020				01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay dài hạn	1.449.522.500	1.449.522.500	1.191.470.000	893.515.000	1.151.567.500	1.151.567.500
- Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Trảng An ⁽¹⁾	1.449.522.500	1.449.522.500	1.191.470.000	893.515.000	1.151.567.500	1.151.567.500
Cộng	1.449.522.500	1.449.522.500	1.191.470.000	893.515.000	1.151.567.500	1.151.567.500

⁽¹⁾ Vay dài hạn ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Trảng An theo hợp đồng sau:

- HĐTD số 1305-LAV-201800254 ngày 03/4/2018 với hạn mức tín dụng 6.500.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường. Mục đích vay mua sắm tài sản cố định. Tài sản đảm bảo khoản vay là máy móc thiết bị thuộc dự án số 01-2018. Dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2020 là 1.448.552.500 đồng, trong đó số đến hạn trả năm 2021 là 959.800.000 đồng.

- HĐTD số 1305-LAV-202000299 ngày 09/06/2020 với hạn mức tín dụng 4.019.981.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường. Mục đích vay mua sắm tài sản cố định. Tài sản đảm bảo khoản vay là máy móc thiết bị thuộc dự án số 01-2018. Dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2020 là 227.500.000 đồng, trong đó số đến hạn trả năm 2021 là 37.920.000 đồng.

- HĐTD số 1305-LAV-2020000820 ngày 12/12/2020 với hạn mức tín dụng 1.924.125.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường. Mục đích vay mua sắm tài sản cố định. Tài sản đảm bảo khoản vay là máy móc thiết bị thuộc dự án số 01-2018. Dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2020 là 963.970.000 đồng, trong đó số đến hạn trả năm 2021 là 192.780.000 đồng.

19. Vốn chủ sở hữu

19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp chủ sở hữu	Vốn khác chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Cộng
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	740.110.441	(544.500)	7.190.949.297	4.895.732.886	27.826.248.124
Tăng vốn năm trước	-	-	-	448.898.124	1.389.980.217	1.838.878.341
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.389.980.217	1.389.980.217
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	448.898.124	-	448.898.124
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	1.078.440.874	1.078.440.874
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	628.457.374	628.457.374
Chia cổ tức	-	-	-	-	449.983.500	449.983.500
Số dư đầu năm nay	15.000.000.000	740.110.441	(544.500)	7.639.847.421	5.207.272.229	28.586.685.591
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	347.495.054	2.994.340.084	3.341.835.138
Lãi kỳ này	-	-	-	-	2.991.134.084	2.991.134.084
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	347.495.054	-	347.495.054
Tăng khác	-	-	-	-	3.206.000	3.206.000
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	1.378.798.764	1.378.798.764
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	486.493.076	486.493.076
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	449.983.500	449.983.500
Giảm khác (**)	-	-	-	-	442.322.188	442.322.188
Số dư cuối kỳ này	15.000.000.000	740.110.441	(544.500)	7.987.342.475	6.822.813.549	30.549.721.965

(*) Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 96/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền
- Trích quỹ Đầu tư phát triển	347.495.054
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	138.998.022
- Chia cổ tức	449.983.500
Cộng	936.476.576

(**) Số thuế TNDN phải nộp bổ sung theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020, số tiền 442.322.188 đồng.

	31/12/2020	01/01/2020
19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	5.427.500.000	5.427.500.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	9.572.500.000	9.572.500.000
Cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

	Năm nay	Năm trước
19.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	449.983.500	449.983.500
19.4. Cổ phiếu	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	55	55
- Cổ phiếu phổ thông	55	55
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.499.945	1.499.945
- Cổ phiếu phổ thông	1.499.945	1.499.945
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	31/12/2020	01/01/2020
a. Ngoại tệ các loại		
- USD	1.496,29	1.395,50

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	1.538.029.002	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	132.169.399.951	66.329.060.691
Cộng	133.707.428.953	66.329.060.691
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	55.535.427.652	33.747.201.662
- Công ty CP Lilama 18	29.000.000	38.025.000
- Công ty CP Lilama 18.1	115.200.000	-
- Công ty CP Lilama 69-1	2.167.562.000	3.736.126.000
- Công ty CP Lilama 69.2	-	124.232.720
- Công ty CP Lilama 7	-	145.037.750
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	53.223.665.652	29.703.780.192
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.182.521.922	-
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	117.983.274.196	57.248.346.583
Cộng	119.165.796.118	57.248.346.583
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.388.827	4.169.435
- Lãi chênh lệch tỷ giá	95.782.947	238.132
Cộng	100.171.774	4.407.567
4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	3.543.218.052	3.496.258.873
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.024.908	125.561
Cộng	3.545.242.960	3.496.384.434

	Năm nay	Năm trước
5 . Chi phí quản lý doanh nghiệp		
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	7.824.734.172	7.817.723.702
- Chi phí nhân viên quản lý	5.110.422.295	4.659.278.423
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	272.191.564	267.000.469
- Chi phí khấu hao TSCĐ	778.701.086	693.775.029
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	180.551.959
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	498.433.296	1.164.457.639
- Chi phí bằng tiền khác	1.164.985.931	852.660.183
<i>b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	92.208.367	1.657.627.003
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	92.208.367	1.657.627.003
Cộng	7.732.525.805	6.160.096.699
6 . Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	86.000.000	-
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	137.263.175	2.442.874.310
- Các khoản thu nhập khác	88.473.915	59.217.619
Cộng	311.737.090	2.502.091.929
7 . Chi phí khác		
- Các khoản tiền phạt	88.766.148	98.329.920
Cộng	88.766.148	98.329.920
8 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	3.587.006.786	1.832.402.551
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	669.226.798	98.329.920
- Các khoản điều chỉnh tăng	669.226.798	98.329.920
+ Phạt chậm nộp bảo hiểm, thuế	88.766.148	98.329.920
+ Chi phí lãi vay trong kỳ không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	580.460.650	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	4.256.233.584	1.930.732.471
d. Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ KQKD trong kỳ	851.246.717	386.146.494
e. Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Biên bản kiểm toán của kiểm toán nhà nước năm 2019	-	56.275.840
f. Thuế TNDN giảm trừ theo NĐ 114/2020/NĐ-CP (d*30%)	255.374.015	-
g. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (d+e-f)	595.872.702	442.422.334
9 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu, Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.991.134.084	1.389.980.217
Quỹ khen thưởng phúc lợi phân phối LNST (*)	299.113.409	138.998.022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.692.020.675	1.250.982.195
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.499.945	1.499.945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.795	834
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.795	834
(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi phân phối lợi nhuận sau thuế được tính và tạm tính như sau:		
- Số liệu năm 2019 = Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia năm 2019		
- Số liệu năm 2020 tạm tính = Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia năm 2019/Lợi nhuận sau thuế năm 2019* Lợi nhuận sau thuế năm 2020		
10 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.767.123.540	11.161.312.386
- Chi phí nhân công	36.289.466.615	33.747.779.254
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.958.363.515	3.908.091.668
- Chi phí dự phòng	(92.208.367)	(1.477.075.044)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.308.082.969	17.387.485.697
- Chi phí khác bằng tiền khác	11.419.443.347	8.050.798.203
Cộng	121.650.271.619	72.778.392.164

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2 . Thông tin về các bên liên quan

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký trong kỳ

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Tổng cộng
Ông Lê Văn Định	Chủ tịch HĐQT	286.400.000	-	286.400.000
Ông Hoàng Văn Lít	Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc	216.000.000	60.000.000	276.000.000
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên HĐQT- P. Tổng giám đốc	204.000.000	60.000.000	264.000.000
Ông Vũ Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT- Kế toán trưởng	204.000.000	60.000.000	264.000.000
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	168.000.000	60.000.000	228.000.000
Ông Nguyễn Thành Đại	Phó Tổng giám đốc	204.000.000	-	204.000.000
Ông Lê Tuấn Anh	Trưởng BKS	164.000.000	-	164.000.000
Bà Lê Thủy Hồng	Thành viên BKS	-	34.000.000	34.000.000
Bà Trần Thị Điệp	Thành viên BKS	63.705.955	34.000.000	97.705.955
Bà Vũ Thị Thu Hoài	Thư ký HĐQT	69.102.364	28.000.000	97.102.364
Cộng		1.579.208.319	336.000.000	1.915.208.319

3 . Báo cáo bộ phận

Hiện tại, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp được hoạt động trên các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

4 . Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ trên Báo cáo tài chính được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Lê Thị Chi

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TM. Hội đồng quản trị

TM. Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc



Hoàng Văn Lít

Chủ tịch HĐQT



Lê Văn Định

